

BỘ CÔNG NGHIỆP
Số: 325/QĐ-ĐCKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 2 năm 1997

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Về việc ban hành "Quy định thủ tục hành chính về giấy phép hoạt động khoáng sản"

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996 và Nghị định số 68/CP ngày 01/11/1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 74/CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định thủ tục hành chính về Giấy phép hoạt động khoáng sản" để áp dụng thống nhất trong phạm vi cả nước.

Điều 2. Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoáng sản có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

QUY ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 325/QĐ-ĐCKS ngày 26 tháng 02 năm 1997 của Bộ trưởng

Bộ Công nghiệp)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Thủ tục hành chính về giấy phép hoạt động khoáng sản là thủ tục về việc cấp, gia hạn, cho phép trả lại, thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản; cho phép chuyển nhượng, để thừa kế quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và đăng ký các hoạt động khoáng sản.

Điều 2. Giấy phép hoạt động khoáng sản nói tại Quy định này bao gồm:

Giấy phép khảo sát khoáng sản;

Giấy phép thăm dò khoáng sản;

Giấy phép khai thác khoáng sản;

Giấy phép chế biến khoáng sản;

Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Điều 3. Quy định thủ tục hành chính về giấy phép hoạt động khoáng sản tuân theo nguyên tắc, thủ tục đã được quy định tại các điều từ Điều 48 đến Điều 63 của Nghị định số 68/CP ngày 01 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật Khoáng sản (dưới đây gọi tắt là Nghị định 68/CP), được cụ thể hoá trong Quy định này.

Điều 4. Thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép chuyển nhượng quyền hoạt động khoáng sản theo quy định tại Điều 9 Nghị định 68/CP, cụ thể là:

1- Bộ Công nghiệp cấp các loại giấy phép sau đây:

Giấy phép khảo sát khoáng sản;

Giấy phép thăm dò khoáng sản;

Giấy phép khai thác, giấy phép chế biến khoáng sản các loại, trừ giấy phép khai thác, giấy phép chế biến khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là UBND tỉnh) quy định tại khoản 2 điều này;

Giấy phép khai thác, giấy phép chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đối với khu vực ranh giới của hai hoặc nhiều tỉnh, hoặc trong trường hợp cấp cho tổ chức cá nhân nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài.

2- Ủy ban nhân dân tỉnh cấp các loại giấy phép sau đây đối với khu vực thuộc trách nhiệm quản lý hành chính của địa phương.

Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản các loại đối với khu vực đã được Bộ Công nghiệp khoáng định theo quy định tại Điều 66 của Nghị định 68/CP;

Giấy phép khai thác, giấy phép chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn cho tổ chức, cá nhân trong nước, trừ giấy phép khai thác, giấy phép chế biến các loại thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công nghiệp quy định tại khoản 1 điều này.

3- Cơ quan có thẩm quyền cấp loại giấy phép hoạt động khoáng sản nào thì có quyền gia hạn, thu hồi, cho phép trả lại loại giấy phép đó và có quyền cho phép chuyển nhượng quyền hoạt động khoáng sản theo loại giấy phép đó.

Điều 5. Cơ quan tiếp nhận đơn, hồ sơ giấy phép hoạt động khoáng sản của Bộ Công nghiệp là Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

Cơ quan tiếp nhận đơn, hồ sơ giấy phép hoạt động khoáng sản của Ủy ban nhân dân các tỉnh là Sở Công nghiệp tỉnh.

Các cơ quan tiếp nhận đơn, hồ sơ giấy phép hoạt động khoáng sản có trách nhiệm hướng dẫn, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tìm hiểu thông tin liên quan đến việc lựa chọn khu vực, diện tích và thủ tục hành chính về giấy phép hoạt động khoáng sản.

Điều 6. Lệ phí giấy phép hoạt động khoáng sản được thực hiện theo quy định của liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Công nghiệp.

CHƯƠNG II

GIẤY PHÉP KHẢO SÁT KHOÁNG SẢN

Điều 7. Tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép khảo sát khoáng sản phải gửi đến Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam:

1. Đơn xin cấp giấy phép khảo sát khoáng sản (mẫu 01);
2. Đề án khảo sát khoáng sản, trong đó nêu rõ vị trí, ranh giới và diện tích: cơ quan địa chất và các đối tượng khảo sát (loại khoáng sản), phương pháp và khối lượng công tác; thời hạn, tiến độ và dự toán chi phí, nguồn tài chính;
3. Bản đồ khu vực khảo sát khoáng sản dựa trên nền bản đồ địa hình có tỷ lệ không nhỏ hơn 1: 100.000, hệ thống tọa độ vuông góc UTM (mẫu 02), bốn (4) bộ. Ranh giới khu vực khảo

sát khoáng sản được khoanh định theo ô vuông, mỗi ô có kích thước 1km x 1km.

4. Các văn bản về tư cách pháp lý của chủ đơn theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân trong nước và không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài, Cục địa chất và Khoáng sản Việt Nam phải hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Công nghiệp cấp giấy phép khảo sát (mẫu 03) hoặc trả lời chủ đơn bằng văn bản về việc giấy phép không được cấp.

Điều 9. Để được gia hạn giấy phép khảo sát khoáng sản, tổ chức, cá nhân được phép khảo sát phải có đơn (mẫu 04) làm rõ lý do xin gia hạn giấy phép kèm theo báo cáo kết quả khảo sát khoáng sản đã thực hiện gửi đến Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam trước ngày giấy phép hết hạn không ít hơn ba mươi (30) ngày. Trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được đơn và hồ sơ hợp lệ, giấy phép khảo sát còn hiệu lực, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam phải xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Công nghiệp quyết định gia hạn (mẫu 05) hoặc trả lời chủ đơn bằng văn bản về việc giấy phép không được gia hạn.

Điều 10. Để được trả lại giấy phép khảo sát khoáng sản, tổ chức, cá nhân được phép khảo sát phải có đơn (mẫu 06) nói rõ lý do xin trả lại giấy phép kèm theo Báo cáo kết quả khảo sát đến thời điểm xin trả lại giấy phép gửi đến Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

Trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được đơn và hồ sơ hợp lệ, Bộ Công nghiệp phải có văn bản quyết định cho phép trả lại giấy phép (mẫu 07) hoặc văn bản trao đổi với chủ đơn.

Điều 11. Giấy phép khảo sát bị thu hồi theo quy định tại Điều 24 của Luật Khoáng sản và Điều 58 Nghị định 68/CP được thể hiện bằng Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (mẫu 08).

CHƯƠNG III

GIẤY PHÉP THẨM DÒ KHOÁNG SẢN

Điều 12. Tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, phải gửi đến Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam:

1. Đơn xin cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (mẫu 09);
2. Đề án thăm dò khoáng sản, trong đó nêu rõ vị trí, ranh giới và diện tích; cơ sở địa chất, mục tiêu thăm dò (trừ lượng khoáng sản); công nghệ và khối lượng công tác chủ yếu; tác động đối với môi trường sinh thái, tài nguyên, công trình và tài sản khác; thời hạn và tiến độ hoạt động; dự toán chi phí thăm dò, nguồn tài chính...;
3. Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản dựa trên nền bản đồ địa hình, hệ thống toạ độ vuông góc UTM, bốn (4) bộ.

Ranh giới khu vực thăm dò khoáng sản được khoanh định theo hình đa giác khép kín. Khu vực thăm dò có diện tích từ một kilômét vuông (1km²) trở lên được khoanh định theo ô vuông, mỗi ô có kích thước 1km x 1km trên bản đồ tỷ lệ 1: 50.000 (mẫu 10); khu vực thăm dò có diện tích nhỏ hơn một kilômét vuông (1km²) khoanh định trên bản đồ tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000 (mẫu 10a).

4. Các văn bản về tư cách pháp lý, tài sản, năng lực tài chính của chủ đơn theo quy định của pháp luật;
5. Bản sao giấy phép đầu tư (nếu có) có xác nhận của công chứng nhà nước.

Điều 13. Trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân trong nước và không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam phải hoàn thành việc tổ chức thẩm định hồ sơ, xác định chi phí thăm dò tối thiểu, lấy ý kiến UBND tỉnh sở tại và các cơ quan hữu trách, kiểm tra thực địa và trình Bộ trưởng Bộ Công nghiệp cấp giấy phép thăm dò (mẫu 11) hoặc trả lời chủ đơn bằng văn bản về việc giấy phép không được cấp.

Điều 14. Trước khi nhận giấy phép thăm dò, tổ chức, cá nhân thăm dò phải nộp tiền đặt cọc, lệ phí giấy phép thăm dò và lệ phí độc quyền thăm dò theo quy định tại các điều 28, 29, 30 Nghị định 68/CP.

Điều 15. Theo quy định tại Điều 51 của Nghị định 68/CP, Cơ quan được hỏi ý kiến theo thẩm quyền của mình có trách nhiệm trả lời Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam bằng văn bản trong thời hạn chậm nhất là hai mươi lăm (25) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản hỏi ý kiến